

Bản án: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 4 - 2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

2. Ông Nguyễn Lâm Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Khánh Ly, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hà Đăng Chương, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXX-ST ngày 8 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 3 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án anh Nguyễn Trọng N trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Ngọc D1 ngày 20/5/2013, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là thị trấn N), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ

chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ đầu tháng 12/2015, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống và trong làm ăn kinh tế, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2016. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị D1 được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 21/3/2013, hiện tại cháu N1 đang do anh nuôi dưỡng từ ngày vợ chồng sống ly thân tháng 01/2016, vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị D1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ của vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2023 cháu Nguyễn Bảo N1 trình bày: Kể từ khi lớn lên đến nay cháu vẫn ở cùng bố và ông bà nội, mẹ cháu đi làm xa rất ít khi về nhà, trong trường hợp bố mẹ cháu không ở cùng nhau cháu xin được ở với bố vì cháu ở cùng bố từ bé và bố cháu chăm sóc cháu sẽ tốt hơn.

Qua xác minh tại địa phương tổ dân phố C và UBND thị trấn N đều xác định như sau, ngày 20/5/2013 anh Nguyễn Trọng N kết hôn với chị Nguyễn Ngọc D, đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là thị trấn N), huyện T, tỉnh Bắc Giang, sau ngày cưới chị D về gia đình anh N sinh sống. Anh N và chị D có một con chung là Nguyễn Bảo N1 hiện đang được anh N nuôi dưỡng, anh N và chị D đều là lao động tự do, chị D đi làm xa thì thoảng mới về nhà rồi lại đi ngay nên địa phương không biết chị D hiện đang làm gì và ở đâu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Ngọc D như: Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là chị D. Tại các buổi làm việc cũng như quá trình giải quyết vụ án chị D không đến

Tòa án làm việc và không cung cấp lời khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà anh Nguyễn Trọng N vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Nguyễn Ngọc D được ly hôn. Anh đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện tại, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Nguyễn Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn chị Nguyễn Ngọc D không chấp hành theo đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Ngọc D được ly hôn.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Trọng N nuôi dưỡng Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 21/3/2013, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh N và chị D không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Trọng N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn chị Nguyễn Ngọc D,

nhưng chị D vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Anh Nguyễn Trọng N kết hôn chị Nguyễn Ngọc D ngày 20/5/2013 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là thị trấn N), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh N, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc hiện vợ chồng đã có một con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án về Ly hôn và tranh chấp nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh đầu tháng 12/2015, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh N và chị D sống ly thân từ tháng 01/2016, chị D đã không về nhà anh N sinh sống hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị D được ly hôn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Ngọc D đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh N xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh N, xử cho anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Ngọc D được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Ngọc D có 01 con chung Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 21/3/2013, anh N nhận nuôi dưỡng cháu N1, không yêu cầu chị D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh đề

ngợi giữ nguyên việc nuôi con như hiện tại, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy con chung của anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Ngọc D được anh N trực tiếp nuôi dưỡng từ thời điểm tháng 01/2016 khi vợ chồng sống ly thân, nay anh N có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, mặt khác trong ý kiến trình bày cháu N1 cũng có nguyện vọng được giao cháu cho anh N nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con trẻ trong việc giao trực tiếp người nuôi dưỡng, cần giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1 là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Trọng N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Trọng N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Ngọc D được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao anh Nguyễn Trọng N trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 21/3/2013. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị D có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của chị D.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Trọng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh N đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm

ứng án phí; lệ phí Tòa án số: 0006620 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND thị trấn Nhã Nam;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên